

Medium

MAMBA 06 LOW

MAMBALOW

nh ẹ , th ể **thao và**
ch ố n g thấm nư ớc , c ổ thấp

MAMBA 06 LOW mang ng ăn bảo v ệ bàn chân màng d ố n g thấm nư ớc , đế ngoài b ă n g cao su và t l anh .

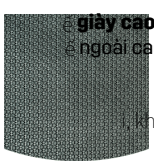


BLK

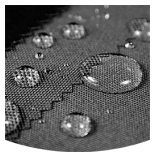


BRN

Những vật liệu cao cấp hơ ệt m ay ệ P U, Lướ	
lót bên trong	màng
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài Đ	Philon/cao su
i Loạ	06 / SR, SC, HI, HRO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 36-48 / UK 3.5-13.0 / US 4.0-13.5 JPN 22.5-31.5 / KOR 235-315
ng lượng t thép	0.390 kg
ẩn hóa u chu	EN ISO 20347:2022+A1:2024 ASTM F2892:2024



giày cao su
ế ngoài cao su cung cấp **các tính năng linh** hoạt **giúp chúng phù** tính ứng dụng: khả **năng** chống cắt , khả năng chịu nhiệt **và** độ lạnh, **tính linh** hoạt **cao** ở nhiệt độ lạnh, khả **năng** **và** nhiều l



lót chống thấm nước
Giữ cho đôi chân khô ráo trong môi

Công nghiệp **n:**

c ật thiế n thu

ường: **Môi** t

Bề mặt cự c mịn ờn mỗi ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phẩ cáp hà nhiệ Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
	Những vật l iệu ti **cao** cấp h ơn					
	Top: khả năng ấm ớ	? 0.8		3.9	iờ	mg/cm/g
	Top: h ệ số ớ	? 15		32.3		mg/cm2
ót bên trong	**màng**					
	L ớp lót: ấm ớ	? 2		4.90	iờ	mg/cm/g
	lót: h ệ số ớ	? 20		41		mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800		Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles		chu kỳ
goài	Đ **Phlon/cao su**					
	Ch ố m ngoài (	? 150		59		mm
	Chư ố tr gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ớt gót v ề phía t	? 0.31		0.46		ma sát
	rư Cột ố m + NaLS - Trư ớt lùi v ề phía t	? 0.36		0.47		ma sát
	rư Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ớt gót phía t	? 0.19		0.28		ma sát
	Chư ố tr SR - G ố m + Glycerin - Trư ớt gót phía t	? 0.22		0.25		ma sát
	rị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		25.0		megaohm
	rị ESD Giá t	0.1 - 100		38		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân ủ	? 20		37		J

kích thước thép: 42

a chú Đ Giầy này có thể thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Đ

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO phát** thả					
	V ật l iệu		3.20		kg
	Bao bì		0.12		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			5.47 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l	Tiệ **tái** ch ế			
	Product		11%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán trực tuyến và có thể thay đổi.